TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/DS-ST
Ngày 23 – 8 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

2. Ông Võ Văn Thỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 22 và 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Việt L, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Võ Thị Tú N, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Việt L trình bày và yêu cầu như sau:

Vào năm 2015, ông Lê Việt L bán thức ăn gia súc cho vợ chồng bà Võ Thị Tú N, ông Nguyễn Tấn Đ. Đến ngày 25-11-2019, sau khi chốt nợ thì bà Võ Thị Tú N ký vào tờ xác nhận nợ, thừa nhận còn nợ ông Lê Việt L số tiền là 390.751.000 đồng và thỏa thuận trả lãi với mức lãi suất 01%/tháng. Cũng trong tờ xác nhận nợ, bà N cam kết trong khoảng thời gian 210 ngày sẽ trả phần tiền

gốc là 390.751.000 đồng, cùng với tiền lãi là 210 ngày x 390.751.000 đồng x 01%/tháng = 27.352.570 đồng. Tổng cộng gốc và lãi làm tròn là 418.100.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn mà bà Như k thực hiện việc trả nợ như đã cam kết. Ông Lê Việt L nhiều lần yêu cầu nhưng bà N, ông Đ chỉ hứa hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Võ Thị Tú N và ông Nguyễn Tấn Đ trả cho ông Lê Việt L số tiền còn nợ là 418.100.000 đồng.

2. Yêu cầu bà Võ Thị Tú N và ông Nguyễn Tấn Đ có nghĩa vụ trả lãi theo lãi suất tạm tính 1%/tháng, từ ngày 25/6/2020 đến ngày khởi kiện làm tròn 32,5 tháng x 418.100.000 đồng x 01%/tháng = 135.882.500 đồng

3. Tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu bà Võ Thị Tú N và ông Nguyễn Tấn Đ phải trả là 553.982.500 đồng. Đồng thời, yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị Tú N và ông Nguyễn Tấn Đ có nghĩa vụ trả lãi tiếp đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ý kiến của các bị đơn Võ Thị Tú N và Nguyễn Tấn Đ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng số tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả là 576.699.267 đồng. Trong đó, tiền nợ theo cam kết đến ngày 25-6-2020 là 418.100.000 đồng; tiền lãi từ ngày 25-6-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm = 418.100.000 đồng x 01%/tháng x 3 năm 01 tháng 29 ngày = 158.738.633 đồng.

Các bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn đang cư trú tại ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, thực hiện nghĩa vụ trả số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị đơn Võ Thị Tú N, Nguyễn Tấn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn xuất trình "Giấy xác nhận nợ" ngày 25-11-2019. Nội dung văn bản xác nhận qua thời gian mua bán giữa hai bên thì số nợ gốc còn lại là 390.751.000 đồng. Sau khi bàn bạc hai bên cùng thống nhất kể từ ngày 25-11-2019, bên mua sẽ trả lãi cho bên bán với mức lãi suất 01%/tháng. Trong khoảng thời gian 210 ngày (đến ngày 25-6-2020), bên mua phải trả số tiền 418.100.000 đồng (gốc + lãi). Đồng thời, tại Biên bản hòa giải cơ sở ngày 20-11-2020 của Tổ Hòa giải ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, bà N cũng thừa nhận số tiền nợ tính đến ngày 25-6-2020 là 418.100.000 đồng. Nhưng hiện tại gia đình bà N còn thiếu nợ các nơi rất nhiều nên bà N không có khả năng thanh toán.

[4] Từ khi Tòa án thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm, kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã được Tòa án tống đạt, thông báo hợp lệ cho các bị đơn nhưng các bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, cũng không đưa ra phản đối hay có yêu cầu gì khác đối với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, HĐXX có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch mua bán thức ăn gia súc. Đến ngày 25-11-2019, hai bên tiến hành đối chiếu nợ và thỏa thuận việc thanh toán, áp dụng lãi suất theo "Giấy xác nhận nợ" do nguyên đơn cung cấp (Bút lục số 23).

[5] Xét thấy, giao dịch mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn diễn ra trong thời gian dài. Đến ngày 25-11-2019, hai bên tự nguyện đối chiếu công nợ và thỏa thuận lãi suất phát sinh do chậm trả tiền là 01%/tháng phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Từ ngày 25-11-2019 đến kỳ hạn trả nợ (ngày 25-6-2020), tiền lãi phát sinh là 27.352.570 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi được hai bên thống nhất làm tròn 418.100.000 đồng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền còn nợ tính đến ngày 25-6-2020 với tổng số tiền 418.100.000 đồng là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi từ ngày 25-6-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm: HĐXX xét thấy, theo "Giấy xác nhận nợ" ngày 25-11-2019, hai bên đã thống nhất qua thời gian mua bán giữa hai bên thì số nợ gốc còn lại là 390.751.000 đồng, số tiền gốc này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm. Còn số tiền 418.100.000 đồng ghi trong Giấy xác nhận nợ được chú thích rõ là đã bao gồm gốc + lãi tạm tính đến kỳ hạn trả nợ ngày 25-6-2020, trong đó nợ gốc 390.751.000, nợ lãi 27.352.570 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả trên số tiền 418.100.000 đồng kể từ ngày 25-6-2020 là không phù hợp. Số nợ lãi phải được tính trên số nợ gốc còn lại chưa trả là 390.751.000 đồng, thời gian tính lãi kể từ ngày tiếp theo là ngày 26-6-2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể: Tiền lãi chậm trả = 390.751.000 đồng x 01%/tháng x 03 năm 01 tháng 28 ngày = 148.224.879 đồng.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Tấn Đ có trách nhiệm liên đới cùng bà Võ Thị Tú N trả số tiền nợ: Mặc dù ông Đ không ký tên vào Giấy xác nhận nợ, nhưng đây là khoản nợ mua bán thức ăn gia súc phát sinh từ hoạt động chăn nuôi trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Các bị đơn Võ Thị Tú N và Nguyễn Tấn Đ không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh các

khoản vay này là nợ riêng của bà N. Do đó, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị dơn liên đới trả số tiền nợ từ việc mua bán thức ăn gia súc là 418.100.000 đồng + 148.224.879 đồng = 566.324.879 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc yêu cầu các bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả bằng 10.374.388 đồng.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc các bị đơn Võ Thị Tú N, Nguyễn Tấn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Lê Việt L số tiền 566.324.879 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc yêu cầu các bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả bằng 10.374.388 đồng (mười triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi tám đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Lê Việt L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 518.719 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.078.000 đồng. Hoàn trả cho ông Lê Việt L số tiền tạm ứng án phí còn lại 12.559.281 đồng (mười hai triệu năm

trăm năm mươi chín nghìn hai trăm tám mươi mốt đồng) theo Biên lai thu số 0006508 ngày 07-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Các bị đơn Võ Thị Tú N và Nguyễn Tấn Đ liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.652.995 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm